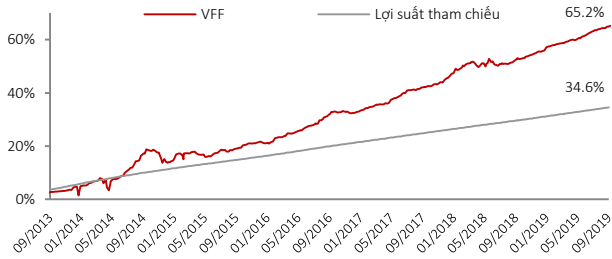


## VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 09/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

### Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit <sup>1</sup>	4 SOCBs 12M deposit <sup>1</sup>	VCB 12M deposit <sup>1</sup>
Tổng Tài Sản (tỷ VNĐ)	129,7			
NAV/CCQ, VNĐ	16,519			
<b>Tăng trưởng NAV<sup>2</sup></b>				
So với tháng trước	0.5%			
Từ đầu năm	6.2%	3.7%	5.1%	5.0%
<b>Quy thành năm</b>				
2019	8.3%	5.0%	6.8%	6.7%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	8.0%	5.1%	6.5%	6.4%
<b>Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập</b>	<b>65.2%</b>	<b>34.6%</b>	<b>44.4%</b>	<b>43.7%</b>

<sup>1</sup> NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành

<sup>2</sup> Lãi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agri)

<sup>3</sup> Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN

<sup>4</sup> Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

### Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 2,5% &lt; 12 tháng</li> <li>• 1,5% &gt; / = 12 và &lt; 24 tháng</li> <li>• 0,75% &gt; / = 24 tháng</li> </ul>
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

### Chiến lược đầu tư

#### Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cơ cấu ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

#### Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

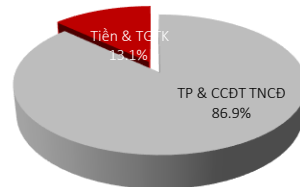
Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung  
[dung.xuan.nguyen@vinacapital.com](mailto:dung.xuan.nguyen@vinacapital.com)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [jrwm@vinacapital.com](mailto:jrwm@vinacapital.com)  
 Tel: +84 8 38 27 85 35

### Tổng quan về Quỹ

Cấu trúc Quỹ	Quỹ mở Trái phiếu
Mức rủi ro	<b>THẤP</b>
Mức lợi nhuận	THẤP TB CAO
Mức phí	THẤP TB CAO

### Phân bổ tài sản



### Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 16,519 VNĐ tại thời điểm cuối tháng 9/2019, tăng 0.5% so với tháng trước và 6.2% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 9 nhờ vào tăng dự vốn đã thực hiện và từ lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ thu nhập cố định khác.

Tính đến cuối tháng 9/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 129,7 tỷ đồng (5,6 triệu USD) so với mức 160,8 tỷ đồng (6,9 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 8. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 86.9% tổng GTTSR và VFF duy trì 13.1% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

### Thị trường trái phiếu

**Thị trường trái phiếu sơ cấp:** Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) và Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội Việt Nam (NHCSXH) là hai tổ chức tham gia phát hành trong tháng 9 với khối lượng phát hành lần lượt là 5,95 nghìn tỷ VNĐ (0,26 tỷ USD) trái phiếu KBNN với kỳ hạn từ 5 đến 30 năm (giảm 45% so với khối lượng phát hành trong tháng 8) và 3,7 nghìn tỷ VNĐ (0,16 tỷ USD) trái phiếu NHCSXH với kỳ hạn 10 và 15 năm. NHCSXH không tổ chức đợt phát hành nào trong tháng 8.

Lợi suất sơ cấp trái phiếu chính phủ (TPCP) giảm từ 12 đến 22 điểm cơ bản so với tháng trước. Cụ thể, lợi suất TPCP kỳ hạn 7 đến 15 năm giảm 21 – 22 điểm cơ bản trong khi lợi suất trái phiếu các kỳ hạn còn lại giảm 12 – 16 điểm cơ bản.

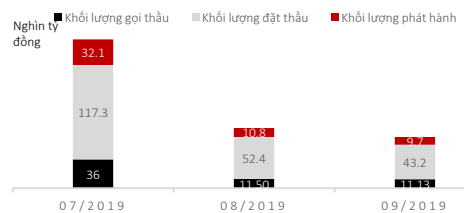
Sau 9 tháng năm 2019, KBNN đã huy động thành công 153,7 nghìn tỷ đồng (6,6 tỷ USD) trái phiếu, hoàn thành 59% kế hoạch trong năm 2019.

**Thị trường trái phiếu thứ cấp:** Thị trường trái phiếu thứ cấp tháng 9 sôi động hơn so với tháng trước do nhu cầu đầu tư tăng cao từ việc lợi suất giảm. Tổng giá trị giao dịch trong tháng 9 đạt 102,44 nghìn tỷ VNĐ (4,4 tỷ USD) từ mức 99.16 nghìn tỷ VNĐ (4,3 tỷ USD) trong tháng 8 tương đương mức tăng 3.3% so với tháng trước. Do đó, lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) thứ cấp ghi nhận mức giảm từ 10 đến 27 điểm cơ bản ở các kỳ hạn so với tháng trước.

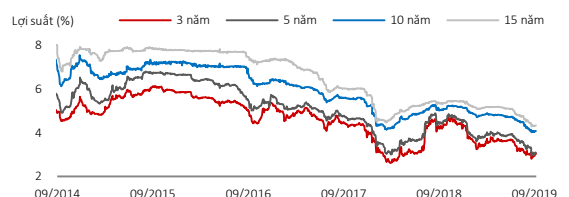
Trong năm 2019, KBNN đặt mục tiêu phát hành 260 nghìn tỷ VNĐ (11,2 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm qua hình thức đấu thầu và chi tiết như sau:

Kỳ hạn	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Khối lượng, tỷ đồng	40,000	30,000	70,000	78,000	20,000	22,000	260,000

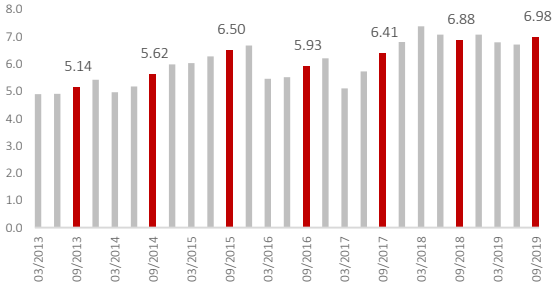
### Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



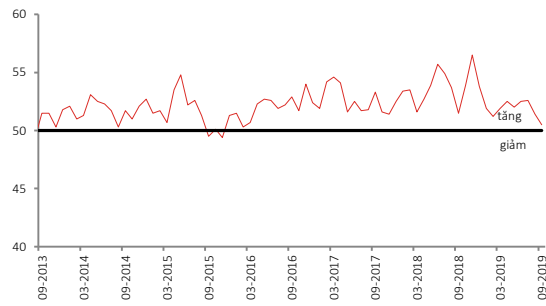
### Lợi suất trái phiếu thứ cấp



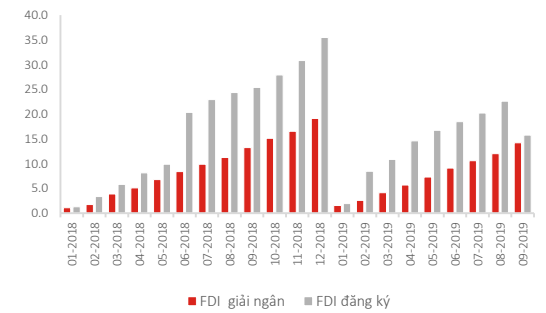
## Tăng trưởng GDP theo quý (%)



## Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



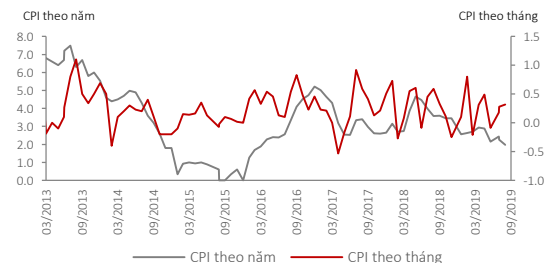
## FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



## Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)



## Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



## Cập nhật thị trường vĩ mô, 09/2019

Kinh tế Việt Nam đang ở trạng thái bình ổn trong quý 3, thể hiện qua việc tăng trưởng nhanh hơn, cùng với lạm phát giảm. Cụ thể, tăng trưởng GDP mạnh hơn từ 6.7% trong quý 2 lên đến 7.3% trong quý 3, so với cùng kỳ - Mức tăng trưởng mạnh nhất trong vòng 9 năm - nhưng lạm phát giá tiêu dùng giảm từ 2.2% từ 6/2019 xuống còn 2% cuối tháng 9, so với cùng kỳ.

Lạm phát Việt Nam giảm là do giá xăng bán lẻ giảm 12% so với cùng kỳ, trong khi đó việc GDP tăng mạnh là do giá tăng tiêu dùng hộ gia đình, chiếm 2/3 giá trị nền kinh tế.

Hơn nữa, chúng tôi ước tính rằng tốc độ gia tăng tiêu dùng (loại bỏ các yếu tố lạm phát) ở mức trên 9% trong quý 3, và chúng tôi tin rằng tốc độ tăng bền vững này một phần là do "hiệu ứng tài sản" từ việc giá bất động sản tăng tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Tóm lại, những cá nhân mua căn hộ và lô đất để đầu tư đã thấy giá trị của những khoản đầu tư đó tăng hơn 10% trong 12 tháng qua - cũng có mong muốn và khả năng của các nhà đầu tư chi tiêu vào sản phẩm và dịch vụ tiêu dùng.

Kể đến, ngành sản xuất của Việt Nam cũng tiếp tục phát triển mạnh mẽ, mặc dù tăng trưởng sản xuất sản xuất giảm nhẹ từ 12% trong 9 tháng đầu năm 2018 (9M18) xuống còn 11.4% cùng kỳ năm 2019. Điều này dẫn đến việc chỉ số mua hàng Nikkei của Việt Nam giảm xuống còn 50,5 cuối tháng 9, nhưng vẫn còn trong vùng tăng trưởng.

Những nhận định trên cho thấy rằng tăng trưởng trong ngành sản xuất vẫn tiếp tục ở mức tích cực, một phần là do các khoản giải ngân từ đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 7% so với cùng kỳ lên đến 14 tỷ USD trong 9M19, và chúng tôi ước tính rằng một nửa số đó sẽ đi vào phát triển cơ sở sản xuất.

Rủi ro đối với triển vọng lạc quan nêu trên là việc kinh tế Trung Quốc đang chậm lại, đã phần nào ảnh hưởng đến Việt Nam. Ví dụ, lượng khách du lịch Trung Quốc tăng 49% năm 2017 giảm xuống còn 30% trong 9M18, và 4% trong 9M19, dẫn tới tốc độ tăng trưởng ngành du lịch của Việt Nam từ 23% trong 9M18 xuống còn 11% cùng kỳ năm 2019. Cần nhấn mạnh rằng lượng khách du lịch nước ngoài đóng góp 10% vào doanh số bán lẻ của Việt Nam.

Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc thay đổi từ 27% trong 9M18 xuống còn 4% trong năm 2019, so với cùng kỳ, dẫn đến việc xuất khẩu giảm từ 16% 9M18 xuống còn 8% trong 9M19. Dù vậy, xuất khẩu của Việt Nam vẫn vượt trội so với các nước trong khu vực; xuất khẩu của Hàn Quốc, một trong những thị trường được chú trọng đối với các thị trường mới nổi Châu Á, giảm 10% trong 9M19 so với cùng kỳ, do xuất khẩu của nước này sang Trung Quốc giảm 18%.

Tổng xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng nhờ vào lượng xuất khẩu sang Mỹ tăng 28% vào 9M19, mặc dù lượng nhập khẩu từ Trung Quốc cũng đồng thời tăng 17% so với cùng kỳ, dẫn đến lo ngại về việc các doanh nghiệp nhập khẩu từ Trung Quốc chỉ để xuất khẩu lại cho thị trường Mỹ - mà không bao gồm các hoạt động làm tăng giá trị - nhằm tránh các loại thuế quan đối với hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ. Các số liệu thể hiện hoạt động này bao gồm khoản xuất siêu của Việt Nam so với Hoa Kỳ tăng 30% đạt ở mức 34 tỷ USD trong 9M19, trùng hợp với khoản nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc ở mức 28 tỷ USD.

Cuối cùng, Việt Nam ước tính thặng dư thương mại là USD 6 tỷ trong 9M19, không thay đổi so với cùng kỳ năm 2018, mặc dù tăng trưởng nhập khẩu 9%, hình nhon xuất khẩu 8%. Khoản 3% thặng dư thương mại trên GDP, cùng với 19 tỷ VND dự trữ ngoại hối tại Ngân hàng Nhà Nước, dẫn đến việc giá trị chính thức của VND tăng 0.3% tính từ đầu năm. Cần lưu ý rằng vùng giao động của tỷ giá USD-VND nhìn chung không thay đổi từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 9 năm 2019.

## Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		09/2019	08/2019	2018A	2019F
GDP	% y/y	6.98	N/A	7.08	6.60 - 6.80
PMI		50.5	51.4	53.8	
CPI, bình quân	% y/y	1.98	2.26	3.45	3.57
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	5.87	3.71	7.78	6.81
	Nhập khẩu % y/y	8.9	8.5	11.58	13.70
	Xuất khẩu % y/y	8.2	7.3	14.24	14.42
FDI, Đăng ký	USD tỷ	26.20	22.63	35.46	
FDI, Giải ngân	USD tỷ	14.20	12.00	19.10	
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	67.00	66.00	60.00	65.00
USD/VND	VND	23,203	23,196	22,655	23,880

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

### Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn là đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không tạo thành hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người nói trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến nêu hoặc đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cẩn hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao cho bất kỳ người nào hoặc phát hành toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.